

Bản án số: 17/2022/HSST  
Ngày: 23 - 12 - 2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN C, TỈNH P**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ T Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thành, ông N Văn Trò.

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Lê Tuấn Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện, tỉnh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh P tham gia phiên tòa:** Bà N T Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2022/HSST ngày 14/11/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/HSST-QĐ ngày 30/11/2022 đối với các bị cáo:

**1. C T B L**, sinh năm 1981, tại huyện C, tỉnh. Nơi cư trú: khu Đ, xã M, huyện C, tỉnh P; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông C. V. Đ., sinh năm 1947 và bà N. T Á H, sinh năm 1952; Chồng là L A C, sinh năm 1974, Bị cáo có 04 con (Lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2013).

Tiền sự; Tiền án: Không

*(Danh chỉ bản số 155 do Công an huyện C lập ngày 24/6/2022)*

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 06/6/2022, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 10/6/2022. Hiện đang tại ngoại tại xã T, huyện C, tỉnh P (Có mặt).

**2. T V N**, sinh năm 1985, tại huyện C, tỉnh P. Nơi cư trú: khu Đ, xã T, huyện C, tỉnh P; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông T X Đ (đã chết) và bà P T L, sinh năm 1955; Vợ là N T N, sinh năm 1985, Bị cáo có 02 con (lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2014).

Tiền sự: Không

Tiền án: Bản án số 41/2019/HS-ST ngày 01/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh P, phạt N V N 30 triệu đồng về tội “Đánh bạc” (Hiện nay N chưa thi hành án phạt tiền và án phí hình sự sơ thẩm của bản án).

*(Danh chỉ bản số 156 do Công an huyện C lập ngày 24/6/2022)*

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 06/6/2022, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 10/6/2022. Hiện đang tại ngoại tại xã T, huyện C, tỉnh P (Có mặt).

**3. N T Q**, sinh năm 1974, tại huyện C, tỉnh P. Nơi cư trú: khu H, xã T, huyện C, tỉnh P; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông N V S, sinh năm 1934 và bà N T T, sinh năm 1937; Chồng là N Đ H, sinh năm 1964, Bị cáo có 02 con (Lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2002).

Tiền sự; Tiền án: Không

Nhân thân:

+ Bản án số 112/2013/HS-ST ngày 26/9/2013 của Toà án nhân dân T xã S- TP N, xử phạt N T Q 12 tháng tù giam về tội “ Cướp giật tài sản” (Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án năm 2014).

+ Bản án số 29/2017/HS-ST ngày 19/12/2017 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh L, xử phạt N T Q 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng. Phạt bổ sung 3.000.000 đồng về tội “ Cướp giật tài sản” (Bị cáo chấp hành xong thử thách ngày 19/6/2020, đã thi hành xong hình phạt bổ sung và án phí năm 2018).

+ Bản án số 62/2022/HS-PT ngày 12/7/2022 của Toà án nhân dân tỉnh P, tuyên chấp nhận kháng cáo của N T Q, sửa bản án số 10/2022/HS-ST ngày 18/4/2022 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh P, xử phạt Q 06 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”  
(*Danh chỉ bản số 158 do Công an huyện C lập ngày 24/6/2022*)

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 06/6/2022, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 10/6/2022. Ngày 09/9/2022 bị cáo đi chấp hành án đối với bản án số 62/2022/HS-PT ngày 12/7/2022 của Toà án nhân dân tỉnh P. Hiện đang chấp hành án tại trại giam Quyết Tiến- Bộ công an (Có mặt).

**4. N T H**, sinh năm 1983, tại huyện C, tỉnh P. Nơi cư trú: khu Đ, xã M, huyện C, tỉnh P; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông N H N (đã chết) và bà N T C, sinh năm 1951; Chồng là L Đ L, sinh năm 1981. Bị cáo có 02 con (lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2009).

Tiền án, Tiền sự: Không

(*Danh chỉ bản số 157 do Công an huyện C lập ngày 24/6/2022*)

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 06/6/2022 đến ngày 10/6/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại tại xã T, huyện C, tỉnh P (Có mặt).

\* **Người có quyền lợi L quan đến vụ án:** Ông L A C, sinh năm 1974

Địa chỉ: khu K, xã P, huyện C, tỉnh P (Vắng mặt không có lý do).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Khoảng 12 giờ ngày 06/06/2022, T V N, sinh năm 1985, nơi ĐKHKTT: khu C, xã T, huyện C, tỉnh P; N T Q, sinh năm 1974, nơi ĐKHKTT: khu K, xã T, huyện C, tỉnh P và N T H, sinh năm 1983, nơi ĐKHKTT: khu Đ, xã M, huyện C, tỉnh P đến nhà C T B L, sinh năm 1981, nơi ĐKHKTT: khu Đ, xã M, huyện C, tỉnh P chơi (gia đình L chỉ có một mình L ở nhà). Tại đây, các đối tượng đã rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh sâm, sát phạt nhau bằng tiền, tất cả đều đồng ý. Các đối tượng lên phòng ngủ ở tầng 02 của nhà L rồi ngồi trên giường trong phòng để đánh bạc. L

là người lấy bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài có sẵn ở nhà và là người chia ván bài đầu tiên. Các đối tượng không phải nộp tiền “hồ” cho ai.

Về hình thức đánh bạc là đánh “sâm”: Các đối tượng thống nhất đánh 10.000đ/01 lá bài. Người chia bài sử dụng 52 quân bài tú lơ khơ chia cho mỗi người chơi 10 quân bài, quy ước quân 2 là quân bài cao nhất, đôi là hai quân giống nhau về số, đôi 2 là đôi cao nhất, dây gồm 03 quân L tiếp nhau trở lên, dây cao nhất kết thúc bằng quân Át, tứ quý là 04 quân bài giống nhau về số. Không phân biệt màu và chất. Bắt đầu vào ván chơi, tất cả mọi người đều có quyền báo “sâm”. Nếu người báo “sâm” đánh hết 10 quân bài của mình ra mà không ai bắt được thì thắng bạc, những người còn lại thua và mỗi người phải trả cho người thắng 200.000đ. Nếu có người bắt được “sâm” thì người báo “sâm” phải trả cho người bắt được “sâm” 200.000đ. Nếu không có ai báo “sâm” thì người chia bài là người được đánh đầu tiên, ai đánh hết 10 quân bài trước là người thắng bạc, những người còn lại thua, người thua bạc phải trả cho người thắng bạc số tiền bằng số lá bài còn lại trên tay chưa đánh được nhân với 10.000đ, ai không đánh được quân bài nào thì bị “treo” và phải trả cho người thắng bạc 150.000đ. Trong ván bài, nếu người nào đánh quân 2 mà bị chặn bởi tứ quý thì phải trả cho người có tứ quý 150.000đ. Người nào thắng bạc sẽ được chia bài ván tiếp theo.

Trước khi tham gia đánh bạc C T B L có 1.940.000 đồng, T V N có 2.800.000 đồng, N T Q có 620.000 đồng, N T H có 670.000 đồng. Các đối tượng sử dụng toàn bộ số tiền trên vào mục đích đánh bạc. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc là 6.030.000 đồng.

Các đối tượng đánh bạc liên tục từ khoảng 12 giờ đến 12 giờ 15 phút cùng ngày thì bị Công an xã T, huyện C phát hiện, bắt quả tang.

Thu giữ tại chiếu bạc 01 vỏ ga giường kẻ ô màu đỏ đen; 52 quân bài tú lơ khơ và tổng số tiền 6.030.000 đồng. Sau đó Công an xã T đã tiến hành giải người bị bắt cùng hồ sơ, vật chứng thu giữ được đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C.

Tại cơ quan điều tra, C T B L, T V N, N T Q, N T H đều đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau về phương thức, thủ đoạn, thời gian, địa điểm phạm tội và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 72/2022/CT-VKS-HS ngày 09/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh P truy tố các bị cáo C T B L, T V N, N T Q, N T H phạm tội “Đánh bạc”.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử phạt các bị cáo phạm tội: “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự đối với bị cáo C T B L, N T H.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 56, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo N T Q.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T V N.

Đề nghị tuyên bố các bị cáo C T B L, T V N, N T Q, N T H phạm tội “Đánh bạc”.

+ Xử phạt các bị cáo C T B L, N T H mỗi bị cáo từ 23.000.000đ (Hai mươi ba) triệu đồng đến 25.000.000đ (Hai mươi lăm) triệu đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo T V N từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù giam nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 06/6/2022 đến ngày 10/6/2022. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo N T Q 07 (bảy) tháng tù giam. Tổng hợp hình phạt 06 (sáu) tháng tù giam của Bản án hình sự phúc thẩm số: 62/2022/HS-PT ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh P. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 13 (mười ba) tháng tù. Bị cáo được trừ đi thời gian tạm giữ của lần phạm tội này từ ngày 06/6/2022 đến ngày 10/6/2022 và được trừ đi thời gian đã chấp hành án của Bản án số 62/2022/HS-PT ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh P từ ngày 09/9/2022 đến ngày 22/12/2022. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 23/12/2022.

- Về hình phạt bổ sung: Khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000đồng*”.

Căn cứ vào tình hình tài sản và thu nhập thực tế của các bị cáo, xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Đối với số tiền 6.030.000đ (Sáu triệu không trăm ba mươi nghìn đồng) đây là khoản tiền các bị cáo sử dụng vào thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu để nộp vào ngân sách Nhà nước.

+ Đối với 01 vỏ ga giường kẻ ô màu đỏ đen; 52 quân bài tú lơ khơ là vật chứng của vụ án, các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu để tiêu hủy.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

Buộc các bị cáo: C T B L, T V N, N T Q, N T H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không tham gia tranh luận đối với bản luận tội và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều rất ăn năn về hành vi vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo có cơ hội sửa chữa trở thành người có ích cho xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên

tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật.

[2]. Về những chứng cứ xác định có tội, các chứng cứ xác định không có tội:

Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án về thời gian, diễn biến nội dung sự việc, có căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ khoảng 12 giờ đến 12 giờ 15 phút ngày 06/06/2022, tại phòng ngủ ở tầng 2 nhà của C T B L. Công an xã T đã tiến hành kiểm tra phát hiện và bắt quả tang C T B L, T V N, N T Q, N T H đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh sâm, sát phạt nhau bằng tiền với tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc là 6.030.000đ (Sáu triệu không trăm ba mươi nghìn đồng). Trong đó C T B L có 1.940.000 đồng, T V N có 2.800.000 đồng, N T Q có 620.000 đồng, N T H có 670.000 đồng.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều đã thừa nhận tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc đủ định lượng để truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự. C T B L, T V N, N T Q, N T H đều khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, được quy định khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

#### ***Điều 321. Tội đánh bạc***

*“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”*

Do vậy bản cáo trạng số 72/2022/CT-VKS-HS ngày 09/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố các bị cáo theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội.

[3]. Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Các bị cáo đều nhận thức được hành vi đánh bạc sát phạt nhau được thua bằng tiền là hành vi mà pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố tình thực hiện. Tuy nhiên đây là vụ án đánh bạc đồng phạm mang tính chất giản đơn, tính chất của hành vi phạm tội là ít nghiêm trọng, đã xâm phạm trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự trên địa bàn, ảnh hưởng đến cuộc sống lành mạnh trong dân cư, làm dư luận xã hội bất bình, lên án, do đó hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

4.1. Đối với bị cáo C T B L, bị cáo N T H, trước khi phạm tội này có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo tỏ ra ăn năn hối cải nên được hưởng 02 tình tiết giảm

nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

4.2. Bị cáo N T Q: Có nhân thân, Tại Bản án 10/2022/HS-ST ngày 18/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh P, xử phạt Q 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tuy nhiên N T Q có đơn kháng cáo. Tại Bản án số 62/2022/HS-PT ngày 12 tháng 7 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh P, tuyên chấp nhận kháng cáo của N T Q, sửa Bản án số 10/2022/HS-ST ngày 18/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh P, xử phạt Q 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tính đến ngày bị cáo Q phạm tội mới là tội đánh bạc vào ngày 06/6/2022 thì Bản án sơ thẩm số: 10/2022/HS-ST ngày 18/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh P bị kháng cáo, chưa có hiệu lực pháp luật. Bản án Phúc thẩm số 62/2022/HS- PT ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh P, xét xử sau khi Q thực hiện hành vi phạm tội mới là ngày 06/6/2022. Do đó, không tính là tình tiết tăng nặng “tái phạm” đối với N T Q.

Tại bản án số: 112/2013/HSST ngày 26/9/2013, N T Q bị Tòa án nhân dân thị xã S, thành phố N xử phạt 12 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” (đã chấp hành xong toàn bộ bản án năm 2014). Tại Bản án số 29/2017/HSST ngày 19/12/2017, N T Q bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh L xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng, phạt bổ sung 3.000.000đ về tội “Cướp giật tài sản” (thi hành xong phạt bổ sung và án phí năm 2018, chấp hành xong thời gian thử thách ngày 19/6/2020 và đã được xóa án tích).

Xét thấy bị cáo nhiều lần bị kết án nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà còn tiếp tục phạm tội. Lần phạm tội này bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mới đảm bảo trừng trị, giáo dục riêng đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung trong xã hội.

4.3. Đối với bị cáo T V N: Tại Bản án số 41/2019/HS-ST ngày 01/7/2019 T V N bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 30 triệu đồng về tội “Đánh bạc” (hiện chưa thi hành phần án phạt tiền và án phí của Bản án). Đến ngày 06/06/2022, bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý đối với tội “Đánh bạc”. Do vậy, lần phạm tội này, bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng là “tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Xét thấy bị cáo từng bị kết án, chưa chấp hành xong hình phạt chính và án phí của Bản án số 41/2019/HS-ST ngày 01/7/2019 nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà còn tiếp tục phạm tội. Do đó, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian cũng đảm bảo trừng trị, giáo dục riêng đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung trong xã hội.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000đồng*”.

Căn cứ vào tình hình tài sản và thu nhập thực tế của các bị cáo, xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng: Xét thấy các vật chứng gồm:

- Số tiền 6.030.000đ (sáu triệu không trăm ba mươi nghìn đồng), đây là khoản

tiền các bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu để nộp vào ngân sách Nhà nước là phù hợp.

- 01 vỏ ga giường kê ô màu đỏ đen; 52 quân bài tú lơ khơ, đây là các vật chứng các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nhưng không còn giá trị sử dụng, ông Chiến không nhận lại nên cần tịch thu để tiêu huỷ.

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự đối với bị cáo C T B L và bị cáo N T H.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 56, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo N T Q.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T V N.

[2]. Tuyên bố các bị cáo: C T B L, T V N, N T Q, N T H phạm tội “Đánh bạc”.

+ Xử phạt bị cáo C T B L 25.000.000đ (Hai mươi lăm) triệu đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo N T H 23.000.000đ (Hai mươi ba) triệu đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo T V N 12 (mười hai) tháng tù giam nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 06/6/2022 đến ngày 10/6/2022. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo N T Q 07 (bảy) tháng tù giam. Tổng hợp hình phạt 06 (sáu) tháng tù giam của Bản án hình sự phúc thẩm số: 62/2022/HS-PT ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh P. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 13 (mười ba) tháng tù. Bị cáo được trừ đi thời gian tạm giữ của lần phạm tội này từ ngày 06/6/2022 đến ngày 10/6/2022 và được trừ đi thời gian đã chấp hành án của Bản án số 62/2022/HS-PT ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh P từ ngày 09/9/2022 đến ngày 22/12/2022. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 23/12/2022.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4]. Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu số tiền 6.030.000đ (Sáu triệu không trăm ba mươi nghìn đồng) để nộp vào Ngân sách nhà nước.

+ Tịch thu tiêu huỷ 01 vỏ ga giường kê ô màu đỏ đen; 52 quân bài tú lơ khơ.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

Buộc các bị cáo: C T B L, T V N, N T Q, N T H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ

(Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh P để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện, tỉnh;
- Công an H.C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Sở tư pháp tỉnh P;
- THA-HS;
- Các bị cáo;
- Người liên quan;
- UBND xã T;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thảo**